

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng 7 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch hành động số 65-KH/TU ngày 22/4/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCN, ĐMST, CDS) tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2026-2030, gồm những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Trung ương và của Tỉnh, đưa KHCN, ĐMST, CDS trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

b) Căn cứ để đánh giá, xếp loại, xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

a) Bám sát quan điểm, chủ trương của Đảng, các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP, Khung kiến trúc số, Khung dữ liệu số Quốc gia, Kế hoạch hành động số 65-KH/TU và điều kiện thực tiễn của tỉnh để triển khai các nhiệm vụ bảo đảm đồng bộ, sáng tạo, thiết thực và hiệu quả.

b) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy, Đảng ủy UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

c) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, lộ trình và kết quả cần đạt, bảo đảm triển khai hiệu quả các mục tiêu phát triển KHCN, ĐMST, CDS trên địa bàn tỉnh.

Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và UBND tỉnh về tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tổ chức triển khai đồng

bộ, thường xuyên rà soát, đánh giá để kịp thời điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

đ) Gắn việc triển khai Kế hoạch với Quy hoạch tỉnh và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, KHCN, ĐMST, CDS của tỉnh, bảo đảm đồng bộ, thiết thực và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

a) Lấy KHCN, ĐMST, CDS làm động lực; lấy dữ liệu làm tài nguyên; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; lấy hiệu quả phát triển làm thước đo để tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của tỉnh.

b) Tỉnh Hưng Yên thuộc nhóm 5 tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước về phát triển KHCN, ĐMST, CDS.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

a) Triển khai và hoàn thành 34 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ về KHCN, ĐMST; 189 nhiệm vụ về CDS.

b) Các mục tiêu cụ thể về KHCN, ĐMST, CDS: Theo Phụ lục I kèm theo.

Trong đó:

- Năm 2026: Thực hiện 34 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 135 nhiệm vụ CDS (*01 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 59 nhiệm vụ, CDS có hạn hoàn thành trong năm 2026; 33 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 76 nhiệm vụ CDS chuyển tiếp sang năm 2027*);

- Năm 2027: Thực hiện 33 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 130 nhiệm vụ CDS (*04 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 29 nhiệm vụ CDS có hạn hoàn thành trong năm 2027; 29 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 101 nhiệm vụ CDS chuyển tiếp sang giai đoạn 2028-2030*);

- Giai đoạn 2028-2030: Thực hiện 29 nhiệm vụ, nhóm nhiệm vụ KHCN, ĐMST và 101 nhiệm vụ CDS (*các nhiệm vụ có hạn hoàn thành trong giai đoạn 2028-2030*).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Thực hiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách đã được ban hành nhằm kịp thời tháo gỡ rào cản, điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy phát triển công nghệ chiến lược; thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ.

Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với các bài toán lớn và công nghệ chiến lược; thực hiện khoán chi theo kết quả đầu ra, tăng cường hậu kiểm,

đánh giá hiệu quả và trách nhiệm giải trình; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ có tác động lan tỏa, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Về thị trường khoa học và công nghệ: Ưu tiên cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), đổi mới cơ chế tài chính và mua sắm công; ưu tiên đặt hàng, mua sắm và thuê dịch vụ đối với sản phẩm, công nghệ “Make in Viet Nam”, góp phần thúc đẩy thị trường khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Xây dựng hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên nền tảng số thống nhất; chuẩn hóa dữ liệu, công khai, minh bạch thông tin; ứng dụng công nghệ số trong thông kê, giám sát, đánh giá và phân bổ nguồn lực.

2. Huy động nguồn lực và cơ cấu chi ngân sách nhà nước

a) Chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được thực hiện linh hoạt bảo đảm tỷ lệ tối thiểu 3% tổng chi ngân sách địa phương; phân bổ ngân sách nhà nước theo nguyên tắc tập trung, trọng tâm, trọng điểm như: hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, trung tâm tính toán hiệu năng cao (HPC), trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia, nguồn nhân lực chất lượng cao và các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa, tạo tác động lan tỏa, ...; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học cùng tham gia thực hiện và đồng tài trợ, ưu tiên hình thức phiếu hỗ trợ (voucher); tăng cường cơ chế khoán chi, hậu kiểm, đánh giá theo kết quả và hiệu quả đầu ra.

b) Ngân sách nhà nước tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật, tăng cường cơ sở vật chất và các lĩnh vực trọng yếu như các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ số, khu thực nghiệm công nghệ cao, khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao; ưu tiên nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ đồng thời huy động mạnh mẽ nguồn lực xã hội tham gia đầu tư, nghiên cứu, đổi mới công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Khuyến khích hợp tác công - tư, phát huy Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức tài trợ, cho vay, góp vốn; lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn, bảo đảm công khai, minh bạch, tránh trùng lặp và tăng tỷ trọng vốn ngoài ngân sách đối với các nhiệm vụ có khả năng thương mại hóa.

3. Phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Phát triển hạ tầng nghiên cứu, thử nghiệm và tính toán dùng chung

Sắp xếp, nâng cao năng lực các tổ chức khoa học và công nghệ theo hướng tăng cường nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu; đồng thời tạo môi trường thu hút đầu tư để phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng cho các lĩnh vực công nghệ có nhu cầu cấp thiết và khả năng lan tỏa lớn. Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng nghiên cứu và hạ tầng số, gồm hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, kiểm định, đánh giá chất lượng sản phẩm công nghệ

đạt chuẩn, khu công nghệ cao, khu công nghiệp công nghệ số, khu thực nghiệm sinh học công nghệ cao, trung tâm dữ liệu, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và kết nối vào nền tảng quốc gia.

b) Phát triển hạ tầng thông tin, dữ liệu, thống kê

- Đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng hiện đại, số hóa và kết nối. Hình thành mạng lưới hỗ trợ năng suất, chất lượng liên thông trung ương - địa phương; xây dựng hạ tầng số, hệ thống dữ liệu hoàn chỉnh của tỉnh về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm kết nối và chia sẻ. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, internet vạn vật trong giám sát, cảnh báo rủi ro, quản lý hậu kiểm; phát triển nền tảng dữ liệu, công cụ, mạng lưới chuyên gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Xây dựng hệ thống thống kê về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hiện đại, tương thích với chuẩn quốc gia, ứng dụng công nghệ số trong thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu thống kê.

- Chú trọng đầu tư, hiện đại hoá hạ tầng khoa học và công nghệ trọng yếu gồm: phòng thí nghiệm, cơ sở thiết kế, chế tạo, vườn ươm.

c) Phát triển hạ tầng đổi mới sáng tạo

- Triển khai các dự án hạ tầng công nghệ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghiệp công nghệ số và sản phẩm công nghệ số trọng điểm; ưu tiên xây dựng khu, trung tâm có vai trò dẫn dắt. Khuyến khích doanh nghiệp, viện, trường tham gia đầu tư, vận hành theo hướng dùng chung, kết nối, phục vụ hiệu quả nghiên cứu và phát triển, thương mại hóa công nghệ.

- Khuyến khích phát triển trung tâm nghiên cứu và phát triển tại các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung; cơ sở ươm tạo; trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ và không gian đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế địa phương, chuỗi giá trị doanh nghiệp. Hình thành và phát triển các cụm liên kết trí tuệ nhân tạo tại khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung và trung tâm đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hợp tác, dùng chung hạ tầng giữa doanh nghiệp, viện, trường. - Ưu tiên nâng cấp hạ tầng đổi mới sáng tạo gắn với sản phẩm chủ lực, logistics, nông nghiệp công nghệ cao, dược liệu, công nghệ biển, công nghiệp chế biến, chế tạo, du lịch thông minh và dịch vụ giá trị gia tăng.

4. Xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Thu hút, trọng dụng và sử dụng hiệu quả nhân lực chất lượng cao

Triển khai đồng bộ cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước; tuyển chọn công khai, sử dụng hiệu quả chuyên gia đầu ngành, nhân tài tham gia, chủ trì nhiệm vụ phát triển sản phẩm công nghệ

chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển. Trao quyền chủ động gắn với trách nhiệm giải trình, đãi ngộ tương xứng với kết quả đầu ra, thương mại hóa, tác động thực tiễn.

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chiến lược

Tổ chức các chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao theo nhu cầu dự án trọng điểm, ưu tiên đào tạo chuyên sâu, tiến sĩ, kỹ sư và chuyên gia công nghệ. Xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng (quản lý, nghiên cứu - triển khai, ứng dụng), phù hợp yêu cầu từng lĩnh vực, ưu tiên công nghệ chiến lược của tỉnh; đào tạo 50.000 nhân lực số trình độ trung - cao, nhằm thực hiện Khu Kinh tế tự do, Khu Công nghệ cao trở thành **“đầu kéo số hóa”**, Tỉnh là **“vùng tăng trưởng số”** của vùng Đồng bằng sông Hồng.

c) Tăng cường lưu chuyển tri thức và phát triển kỹ năng đổi mới sáng tạo

Thúc đẩy dịch chuyển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giữa cấp tỉnh và cấp xã, viện, trường và doanh nghiệp thông qua cơ chế luân chuyển, biệt phái cán bộ; phát triển kỹ năng quản trị công nghệ, dữ liệu và thương mại hóa; áp dụng cơ chế khuyến khích, đãi ngộ và chia sẻ lợi ích gắn với hiệu quả thực hiện và nhu cầu doanh nghiệp. Phát triển năng lực quản trị tài sản trí tuệ, chuỗi giá trị công nghệ, chuẩn hóa, thử nghiệm, chứng nhận, an toàn công nghệ và quản trị rủi ro công nghệ cho đội ngũ thực thi chính sách.

5. Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Định hướng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực

a1) Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách; đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. Xây dựng Chính quyền số hợp nhất (4 trục) theo khung quản trị tích hợp và cơ chế xác định kết quả (OKR/KPI), ứng dụng AI và tự động hóa quy trình (RPA) trong xử lý TTHC.

a2) Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp xanh, hữu cơ và kinh tế tuần hoàn; bảo tồn, phát triển nguồn gen; chuyển đổi số trong nông nghiệp; ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học và giảm tổn thất sau thu hoạch.

a3) Ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong khám, chữa bệnh, dược phẩm và y tế thông minh; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; nghiên cứu mô hình bệnh tật, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

a4) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công

nghe số, công nghệ sạch và vật liệu mới; thúc đẩy đổi mới công nghệ, tự động hóa, sản xuất thông minh, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường; nâng cao năng lực nghiên cứu, kiểm định, thiết kế, thi công và sản xuất vật liệu xây dựng, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

a5) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong giáo dục; đổi mới phương pháp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy liên kết đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

a6) Ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển du lịch thông minh; xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng gắn với tài nguyên thiên nhiên, văn hóa và sản phẩm OCOP; phát triển du lịch theo hướng bền vững gắn với sản phẩm đặc sản của địa phương.

a7) Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và công nghệ số trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh mạng, phòng chống tội phạm, phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn và xử lý các thách thức an ninh phi truyền thống.

b) Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ và DMST

b1) Tập trung nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và thị trường khoa học và công nghệ; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

b2) Đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo; hỗ trợ xác lập, bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng thương hiệu sản phẩm; phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP và đặc sản địa phương gắn với nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh và xuất khẩu.

b3) Khuyến khích thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số và công nghệ sạch trong sản xuất, kinh doanh; phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

b4) Đẩy mạnh áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng và chuyển đổi số trong quản lý; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Giải thưởng Chất lượng quốc gia, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

b5) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia và tiêu chuẩn quốc tế, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

c) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

c1) Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư chuyển đổi số, nghiên cứu, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tăng cường đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại, quản trị rủi ro, tài chính, chuỗi cung ứng và hội nhập quốc tế.

c2) Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp số, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hình thành doanh nghiệp công nghệ số chiến lược, thúc đẩy đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), phát triển hạ tầng số và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; khuyến khích khai thác, sử dụng hiệu quả dữ liệu số.

c3) Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ số, phát triển thương mại điện tử và sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực, trọng tâm: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics; phấn đấu giao dịch thương mại điện tử chiếm **tối thiểu 70%** tổng tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

c4) Phát triển công nghệ chiến lược (AI, bán dẫn, dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, vật liệu mới...); hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm AI và không gian đổi mới sáng tạo của tỉnh; phát triển doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) và thúc đẩy đổi mới sáng tạo mở; thu hút các tập đoàn công nghệ lớn, trung tâm R&D, quỹ đầu tư và chuyên gia trong, ngoài nước.

6. Thực hiện chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin

a) Phát triển đồng bộ, hiện đại và an toàn hạ tầng số của tỉnh, gồm hạ tầng viễn thông, internet, mạng truyền số liệu chuyên dùng, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số dùng chung và hạ tầng dữ liệu; mở rộng phủ sóng 5G, tiến tới 6G, IPv6, Internet vạn vật (IoT), hạ tầng cảm biến số và điện toán biên; Xây dựng hạ tầng số lõi, coi dữ liệu là tài sản chiến lược, AI/IoT/BigData là công cụ đột phá, an ninh mạng là nền tảng ưu tiên phát triển hạ tầng số, kinh tế số cho các Khu công nghiệp, Khu kinh tế; Khu kinh tế tự do trở thành: **“Đặc Khu số hóa-Xanh-Thông minh”** trở thành mô hình kiểu mẫu về thể chế quản trị số; đầu tư hạ tầng tính toán hiệu năng cao (HPC) nhằm đáp ứng nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu ngày càng tăng của tỉnh trong các lĩnh vực: Phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) cho Logistic thông minh cảng biển Diêm Điền, Trung tâm điều hành thông minh IOC, y tế, giáo dục.. Công nghệ Blockchain cho lĩnh vực tài chính, truy xuất nguồn gốc trong Khu kinh tế tự do; IoT và các hệ thống thông tin chuyển lên nền tảng điện toán đám mây (Cloud computing); hạ tầng GPU và nền tảng AI phục vụ xử

lý dữ liệu lớn, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và phát triển các công nghệ chiến lược.

b) Phát triển nguồn nhân lực số chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; triển khai hiệu quả Phong trào **"Bình dân học vụ số"**; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI), an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân; xây dựng đội ngũ chuyên gia số, chuyên gia AI, dữ liệu và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

c) Xây dựng, chuẩn hóa, số hóa, làm sạch và quản trị dữ liệu theo vòng đời; phát triển cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và Sàn dữ liệu của tỉnh; bảo đảm dữ liệu **"Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Đồng bộ - Kết nối - Dùng chung"**; thúc đẩy chia sẻ, khai thác, tái sử dụng và thương mại hóa dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành và phát triển kinh tế số.

d) Xây dựng không gian số an toàn, tin cậy; bảo đảm an toàn hạ tầng số, hệ thống thông tin và dữ liệu; triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân, giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố và phòng, chống tấn công mạng; nâng cao năng lực Trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC), bảo đảm an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh.

đ) Xây dựng chính quyền số hoạt động dựa trên dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và nền tảng số; phát triển đồng bộ các nền tảng dùng chung, Trung tâm Điều hành thông minh (Dashboard - IOC) phục vụ lãnh đạo các cấp theo thời gian thực, nền tảng AI, trợ lý ảo và các hệ thống thông tin chuyên ngành, phát triển trợ lý AI hỗ trợ cán bộ, công chức xử lý công việc và hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công; hoàn thiện không gian làm việc số số, hồ sơ số và quy trình xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường số; nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu, ứng dụng AI trong tổng hợp báo cáo, phân tích, dự báo và cảnh báo sớm. Xây dựng liên minh dữ liệu quốc gia, các kho sáng chế chung tạo hạ tầng chia sẻ dữ liệu, công nghệ, sáng chế giúp các doanh nghiệp lớn nhỏ cùng nhau tham gia và lan toả đổi mới sáng tạo trong nhiều lĩnh vực.

e) Thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và các ngành, lĩnh vực trọng điểm; phát triển thương mại điện tử, công nghiệp số, nông nghiệp số, logistics thông minh, tài chính số, y tế số, giáo dục số, du lịch thông minh; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D), ứng dụng công nghệ số và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh.

Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng AI, IoT, Blockchain, Big Data và Digital Twin trong sản xuất, kinh doanh; hình thành doanh nghiệp công nghệ số quy mô lớn và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; thúc đẩy thanh toán số, hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử và thương mại số xuyên biên giới; Phát triển

kinh tế dữ liệu và các mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu.

g) Phát triển công dân số và văn hóa số; phổ cập kỹ năng số cho người dân; mở rộng sử dụng định danh điện tử, chữ ký số cá nhân, thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ số thiết yếu; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ số. Phát triển hồ sơ sức khỏe điện tử, hồ sơ học tập điện tử và hồ sơ việc làm điện tử. Thu hẹp khoảng cách số giữa khu vực đô thị và nông thôn, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ số cơ bản. Xây dựng văn hóa số, đạo đức số và kỹ năng sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm.

h) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, kỹ năng số và văn hóa số cho người dân, doanh nghiệp và toàn xã hội; duy trì hiệu quả các chuyên trang, chuyên mục, diễn đàn, cuộc thi, phong trào chuyển đổi số; nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện.

7. Hợp tác về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Tăng cường liên kết, hợp tác với các tỉnh, thành phố trong và ngoài khu vực để thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các viện, trường, nhà khoa học có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển; phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, logistics, liên kết chuỗi giá trị, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và các công nghệ chiến lược khác. Tổ chức xúc tiến, thu hút các doanh nghiệp công nghệ lớn đến đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Khu Công nghiệp của tỉnh.

b) Liên kết với thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong vùng đồng bằng sông Hồng để đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức hội nghị, diễn đàn thường niên về chuyển đổi số, khoa học và công nghệ cấp vùng. Thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược. Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao. Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Chuyển dịch trọng tâm hợp tác ngoại giao công nghệ sang “tiếp thu, giải mã, chuyển giao công nghệ nguồn”. Xúc tiến, thu hút các Tập đoàn công nghệ đa quốc gia (FDI) lập trung tâm R&D tại Hưng Yên. Mở rộng hợp tác chiến lược trong các lĩnh vực: trí tuệ nhân tạo, lượng tử, bán dẫn, sinh học.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác, kết nối chuỗi cung ứng và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở nước ngoài; nâng cao năng lực ứng phó với các rủi ro về an ninh mạng, rò rỉ dữ liệu và tranh chấp sở hữu trí tuệ trong hội nhập quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp sử dụng Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để thực hiện các thương vụ mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp, phòng thí nghiệm sở hữu công nghệ lõi ở nước ngoài.

(Có các Phụ lục chi tiết kèm theo:

1) Phụ lục II: Danh mục các nhiệm vụ trọng tâm về KHCN, ĐMST, CDS giai đoạn 2026 - 2030;

2) Phụ lục III: Danh mục chi tiết các nhiệm vụ KHCN, ĐMST năm 2026;

3) Phụ lục IV: Danh mục chi tiết các nhiệm vụ CDS năm 2026)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí cho sự nghiệp KHCN, ĐMST, CDS; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, tổ chức triển khai Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của các sở, ban, ngành tỉnh và địa phương; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện.

b) Chủ trì xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, công cụ quản lý để triển khai Kế hoạch.

c) Chủ trì tổng hợp nhu cầu của các sở, ngành, địa phương; đề xuất cơ cấu và nguyên tắc phân bổ nguồn lực phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, quy định của pháp luật cho KHCN, ĐMST, CDS; phối hợp huy động nguồn lực xã hội, thúc đẩy cơ chế cùng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp; theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng gắn với kết quả và tác động thực tiễn.

d) Tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh Kế hoạch khi cần thiết.

đ) Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh kết quả triển khai Kế hoạch này theo quy định.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, trên cơ sở đề xuất của Sở KHCN và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch này theo quy định của Luật NS Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật CDS, Luật KHCN và ĐMST và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị thuộc tỉnh

Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, phổ biến nội dung Kế hoạch;

a) Căn cứ Kế hoạch, xây dựng, ban hành kế hoạch giai đoạn 2026-2030, kế hoạch hằng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện, theo

phương châm 6 rõ: “Rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ kết quả và rõ thẩm quyền”.

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện; Đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã giao trong các chương trình/kế hoạch khác có sự trùng lặp với Kế hoạch này đang triển khai thì tiếp tục thực hiện, nếu chưa thực hiện thì thực hiện theo Kế hoạch này; các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số không trùng lặp đã được giao tại các văn bản khác, tiếp tục thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo theo định kỳ và đột xuất.

c) Định kỳ trước **ngày 15** hằng tháng hoặc đột xuất, gửi báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền các cấp, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tổ chức thực hiện Kế hoạch; vận động cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và các tầng lớp nhân dân tích cực hưởng ứng và tổ chức thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- CV: KGVX^{Ph.G.};
- Lưu: VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Quyền